

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06.9.2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Chánh Ngôn.

2. Ông Hoàng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lê Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1985, do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng từ năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt trong gia đình, có nhiều xích mích không thể giải quyết. Khoảng 10 năm trước, cả hai không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T hiện đã có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê

VĂN T.

Về con chung: bà và ông Lê VĂN T có 04 con chung gồm LÊ Thúy T1, sinh năm 1986; Lê Diễm T2, sinh năm 1990; Lê Huỳnh S, sinh năm 1994 và Lê Thu T3, sinh năm 1997. Hiện nay cả 04 người con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê VĂN T trình bày: Ông và bà Võ Thị T tự nguyện chung sống từ năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Hiện nay hai bên đều đã sống ly thân rất lâu và có cuộc sống riêng, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn nên ông đồng ý.

Về con chung: ông và bà T có 04 người con chung gồm LÊ Thúy T1, sinh năm 1986; Lê Diễm T2, sinh năm 1990; Lê Huỳnh S, sinh năm 1994 và Lê Thu T3, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về phần thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện H chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Lê VĂN T.

Về con chung: bà Võ Thị T và ông Lê VĂN T có 04 người con chung gồm LÊ Thúy T1, sinh năm 1986; Lê Diễm T2, sinh năm 1990; Lê Huỳnh S, sinh năm 1994 và Lê Thu T3, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Võ Thị T nộp đơn xin ly hôn với ông Lê VĂN T (Cư trú tại: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị T và bị đơn ông Lê Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy bà Võ Thị T và bị đơn ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1985 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Điều này được các bên thừa nhận và được chính quyền địa phương nơi các bên chung sống xác nhận. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị T và bị đơn ông Lê Văn T là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là vợ chồng và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, giữa bà Võ Thị T và ông Lê Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay cả hai bên đã không còn chung sống, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà Võ Thị T và ông Lê Văn T đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Lê Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy việc bà Võ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn T là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con: bà Võ Thị T và ông Lê Văn T có 04 người con chung gồm Lê Thúy T1, sinh năm 1986; Lê Diễm T2, sinh năm 1990; Lê Huỳnh S, sinh năm 1994 và Lê Thu T3, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành. bà Võ Thị T và ông Lê Văn T đều không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Võ Thị T và ông Lê Văn T không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa có cơ sở, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T, bà Võ Thị T được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019255 ngày 08/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Bà Võ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Bà Võ Thị T và ông Lê Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Z, TT W;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nàng Hương

